



LOC PHAT INVESTMENT CONSULTANT JSC

# KHU ĐẤT 13ha

---

Đường QL1A, thôn Quán Thẻ 3, xã Phước Minh, huyện Thuận Nam,  
tỉnh Ninh Thuận



LOG PHAT INVESTMENT CONSULTANT JSC

# 1. THÔNG TIN CHUNG

|                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| KHU ĐẤT         | 13 hecta                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| CHỦ SỞ HỮU      | Cá nhân                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| PHÁP LÝ KHU ĐẤT | SỔ HỒNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| VỊ TRÍ          | Quốc lộ 1A, xã Quán Thẻ 3, xã Phương Minh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận                                                                                                                                                                                                                             |
| MÔ TẢ           | <p>Đất nằm trên đường nối từ cao tốc ra QL 1A và hướng về Đầm Cà Ná (đầm Cà Ná quy hoạch KDC mới 65ha).</p> <p>Hiện trạng đất trống, tương đối bằng phẳng, có 2ha trồng điều lâu năm và 1ha trồng măng cầu.</p> <p>Khu đất có thể khai thác khoảng 1.5trm3 cát (chủ đất đã làm sơ đồ lưới khảo sát)</p> |





LOC PHAT INVESTMENT CONSULTANT JSC



Quốc lộ 1A

1.5km

Vị trí khu đất





LOC PHAT INVESTMENT CONSULTANT JSC

TURBINE 10 - NINH  
THUAN 7A WPP

Vị trí  
khu đất

TURBINE 12 - NINH  
THUAN 7A WPP

Xã Mỹ Sơn, Huyện Ninh Sơn, Ninh Thuận





Cao tốc

12 km

6 km

11 km

Vị trí khu đất

Mũi Dinh

LOC PHAT INVESTMENT CONSULTANT JSC

Cà Ná

Google





GIẤY CHỨNG NHẬN

## QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Bà: Lê Thị Bình

Năm sinh: 1986. CCCD số: 058186000112

Địa chỉ thường trú: Số 343 Kinh Dinh Vương, khu phố 6, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

CX 589757

Số tài liệu GON: CS 2439Số vào sổ cấp GCN: CS 14/12Số vào sổ cấp GCN: CS. 2144



**II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 18, tờ bản đồ số: 39

b) Địa chỉ: Thôn Quin Thê 3, xã Phước Minh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận

c) Diện tích: 17422,0 m<sup>2</sup>, (bằng chữ: Mười bảy nghìn bốn trăm hai mươi hai phẩy không mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

e) Mục đích sử dụng: Đất trồng cây hàng năm khác

f) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 01/7/2064

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Không

**III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

Tỷ lệ 1:2000

**IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận**

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung địa chỉ thường trú từ "Số 343 Kinh Dinh Vương, khu phố 6, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh" có sai sót được đính chính lại thành "Số 343 Kinh Dương Vương, khu phố 6, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh".

**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Ngọc Thạch

Số vào sổ cấp GCN: CS. 8474

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

**QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: Lê Văn Thái

Nam sinh: 1984, CMND số 264201019

Địa chỉ thường trú: Thôn Lạc Sơn 1, xã Cà Ná, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

CX 589760

**II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 19, tờ bản đồ số: 39

b) Địa chỉ: Thôn Quin Thê 3, xã Phước Minh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận

c) Diện tích: 5767,0 m<sup>2</sup>, (bằng chữ: Năm nghìn bảy trăm sáu mươi bảy phẩy không mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

e) Mục đích sử dụng: Đất trồng cây hàng năm khác

f) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 15/10/2063

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Không

**III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

Tỷ lệ 1:2000

**IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận**

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung địa chỉ thường trú từ "Số 343 Kinh Dinh Vương, khu phố 6, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh" có sai sót được đính chính lại thành "Số 343 Kinh Dương Vương, khu phố 6, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh".

**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Ngọc Thạch

Số vào sổ cấp GCN: CS. 8475

**LOC PHAT INVESTMENT CONSULTANT JSC**

**II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 5, tờ bản đồ số: 39

b) Địa chỉ: Thôn Quin Thê 3, xã Phước Minh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận

c) Diện tích: 12168,0 m<sup>2</sup>, (bằng chữ: Mười hai nghìn một trăm sáu mươi tám phẩy không mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

e) Mục đích sử dụng: Đất trồng cây hàng năm khác

f) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 01/7/2064

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Không

**III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

Tỷ lệ 1:2000

**IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận**

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung địa chỉ thường trú từ "Số 343 Kinh Dinh Vương, khu phố 6, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh" có sai sót được đính chính lại thành "Số 343 Kinh Dương Vương, khu phố 6, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh".

**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Ngọc Thạch

Số vào sổ cấp GCN: CS. 8476

**II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 5, tờ bản đồ số: 39

b) Địa chỉ: Thôn Quin Thê 3, xã Phước Minh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận

c) Diện tích: 12168,0 m<sup>2</sup>, (bằng chữ: Mười hai nghìn một trăm sáu mươi tám phẩy không mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

e) Mục đích sử dụng: Đất trồng cây hàng năm khác

f) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 01/7/2064

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Không

**III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

Tỷ lệ 1:2000

**IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận**

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung địa chỉ thường trú từ "Số 343 Kinh Dinh Vương, khu phố 6, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh" có sai sót được đính chính lại thành "Số 343 Kinh Dương Vương, khu phố 6, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh".

**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Ngọc Thạch

Số vào sổ cấp GCN: CS. 8477



LOC PHAT INVESTMENT CONSULTANT JSC

## 2. HÌNH ẢNH THỰC TẾ





LOC PHAT INVESTMENT CONSULTANT JSC





LOC PHAT INVESTMENT CONSULTANT JSC

# 3. TỔNG QUAN KHU VỰC





LOC PHAT INVESTMENT CONSULTANT JSC

## Tổng quan Ninh Thuận:

- Ninh Thuận là một tỉnh ven biển thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, Việt Nam.
- Diện tích tự nhiên 3.358 km<sup>2</sup>, có 7 đơn vị hành chính gồm 01 thành phố và 6 huyện. Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm là thành phố loại II thuộc Tỉnh, trung tâm chính trị, kinh tế và văn hóa của Tỉnh, cách TP. Hồ Chí Minh 350 km, cách sân bay Cam Ranh 60 km, cách TP. Nha Trang 105 km và cách TP. Đà Lạt 110 km, thuận tiện cho việc giao lưu phát triển kinh tế - xã hội.
- Địa hình Ninh Thuận thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam, với 3 dạng địa hình: núi chiếm 63,2%, đồi gò bán sơn địa chiếm 14,4%, đồng bằng ven biển chiếm 22,4% diện tích tự nhiên toàn Tỉnh.



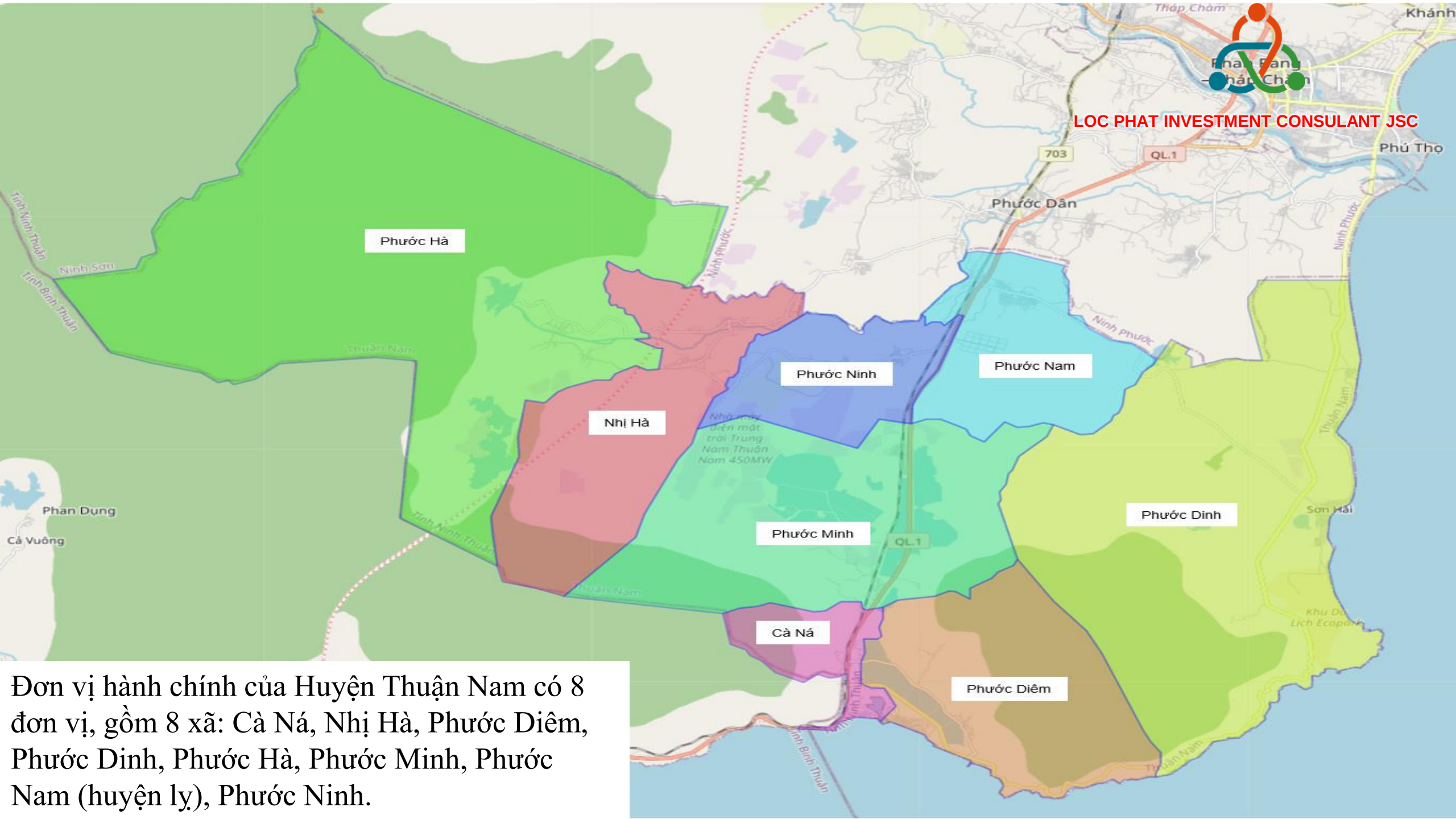


- **Phía Bắc giáp tỉnh Khánh Hòa**
- **Phía Nam giáp tỉnh Bình Thuận**
- **Phía Tây giáp tỉnh Lâm Đồng**
- **Phía Đông giáp Biển Đông.**





LOC PHAT INVESTMENT CONSULTANT JSC



Đơn vị hành chính của Huyện Thuận Nam có 8 đơn vị, gồm 8 xã: Cà Ná, Nhị Hà, Phước Diêm, Phước Dinh, Phước Hà, Phước Minh, Phước Nam (huyện lỵ), Phước Ninh.



## 04 VÙNG KHÔNG GIAN

Tỉnh Ninh Thuận được phân chia thành 04 vùng lãnh thổ gồm: Vùng trung tâm; Vùng phía Bắc; Vùng phía Nam; Vùng phía Tây

**Vùng trung tâm: Tp Phan Rang Tháp Chàm và phụ cận(150,94 km<sup>2</sup>)**

- + Không gian đô thị hiện hữu và ven biển TP PRTC
- + Không gian Đầm Nại
- + Không gian Nam sông Dinh
- + Không gian sân bay Thành Sơn và lân cận

**Vùng phía Bắc: H. Thuận Bắc, H.Ninh Hải (524,98 km<sup>2</sup>)**

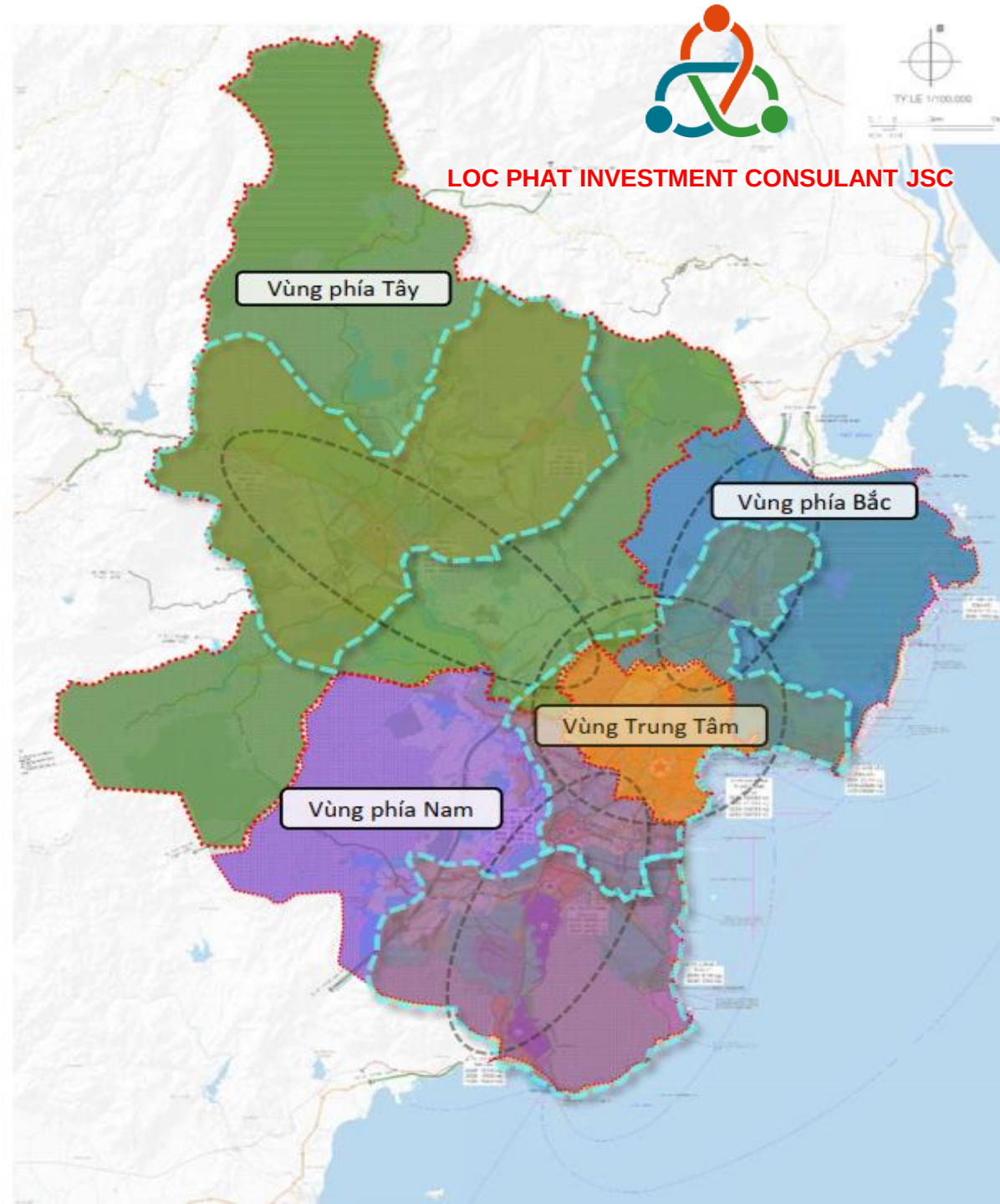
- + Không gian công nghiệp - Năng lượng - Dịch vụ
- + Không gian bảo tồn HST rừng, vườn quốc gia núi Chúa
- + Không gian Du lịch - Dịch vụ sinh thái và bảo tồn HST ven biển

**Vùng phía Nam: H.Thuận Nam, H.Ninh Phước (886,85km<sup>2</sup>)**

- + Không gian công nghiệp-cảng biển-dịch vụ và đô thị
- + Không gian Du lịch - nông nghiệp - năng lượng
- + Không gian hệ sinh thái Rừng

**Vùng phía Tây: H.Ninh Sơn, H.Bác Ái (1.792,56km<sup>2</sup>)**

- + Không gian Nông - công nghiệp - Năng lượng
- + Không gian HST rừng
- + Không gian bảo tồn rừng, vườn quốc gia Phước Bình



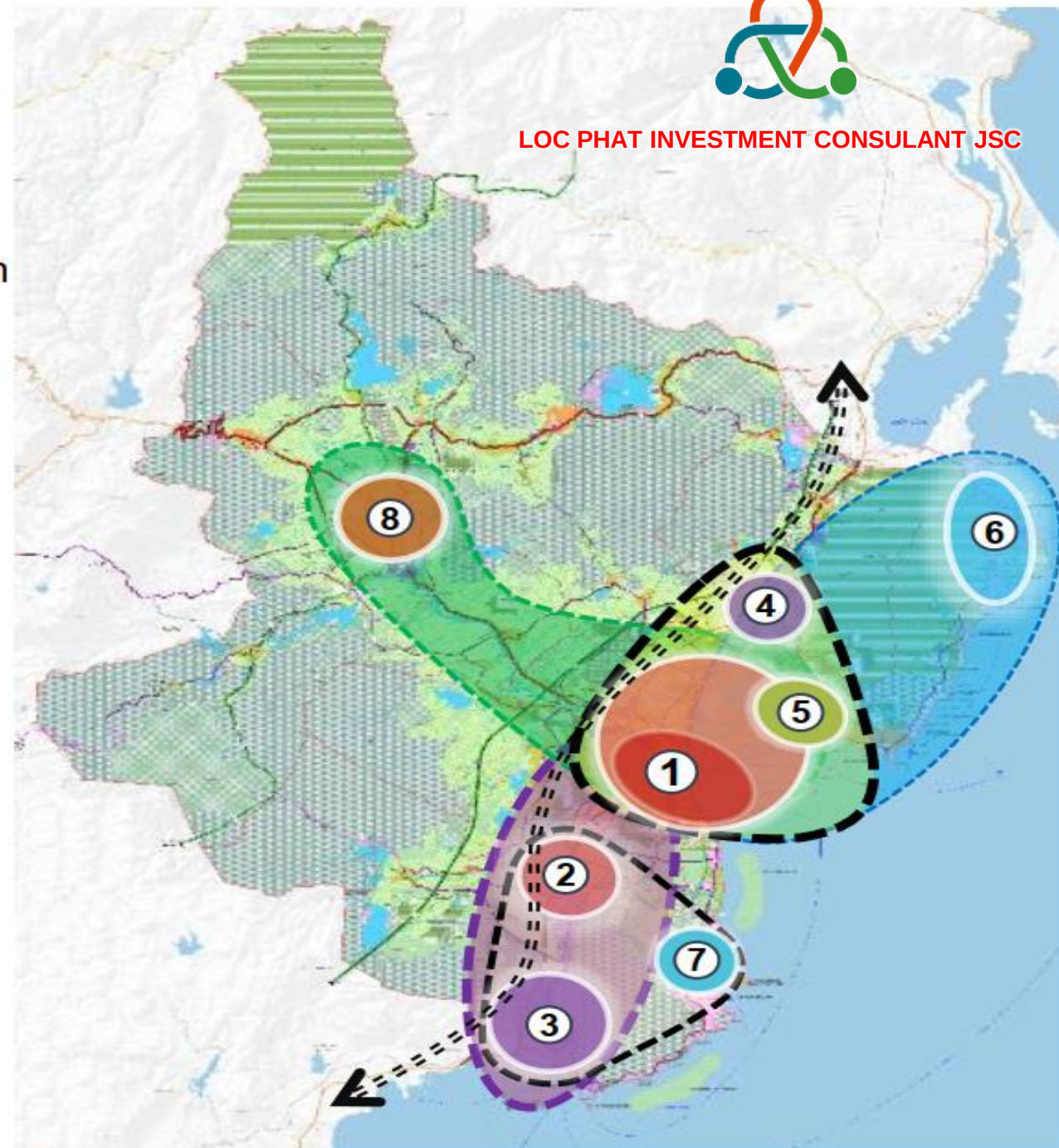


## 08 KHU VỰC TRỌNG YẾU



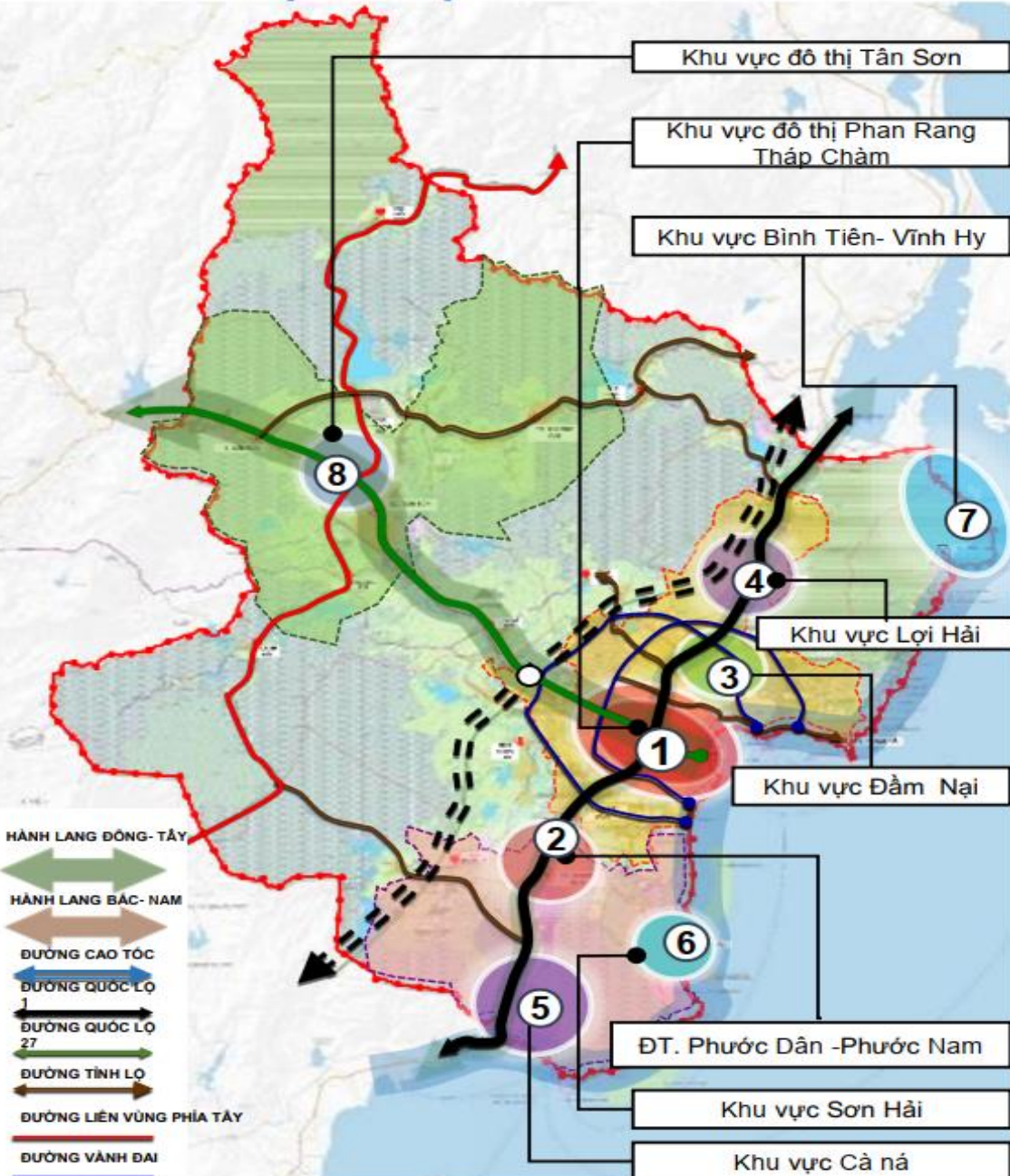
LOC PHAT INVESTMENT CONSULTANT JSC

-  **1** Khu vực trung tâm TP Phan Rang Tháp Chàm
-  **2** Khu vực Đô thị Phước Nam-Phước Dân
-  **3** Khu vực công nghiệp Cà Ná
-  **4** Khu vực công nghiệp Lợi Hải
-  **5** Khu vực hồ Đàm Nại – Ninh Chữ
-  **6** Khu vực Bình Tiên- Vĩnh Hy
-  **7** Khu vực Sơn Hải
-  **8** Khu vực Đô thị Tân Sơn





## 08 KHU VỰC TRỌNG YẾU

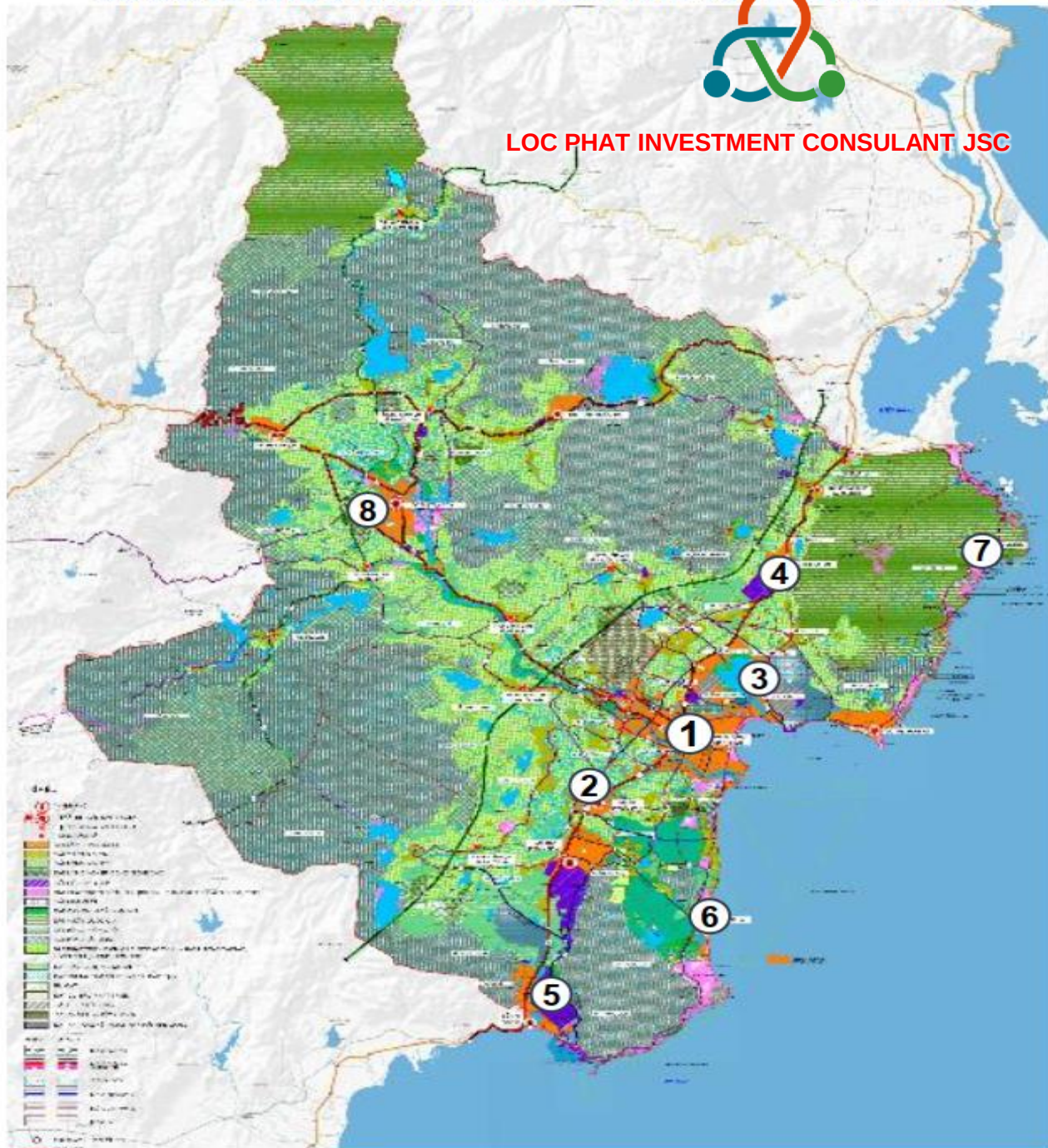


**SƠ ĐỒ LIÊN KẾT KHÔNG GIAN CÁC KHU VỰC TRONG YẾU**

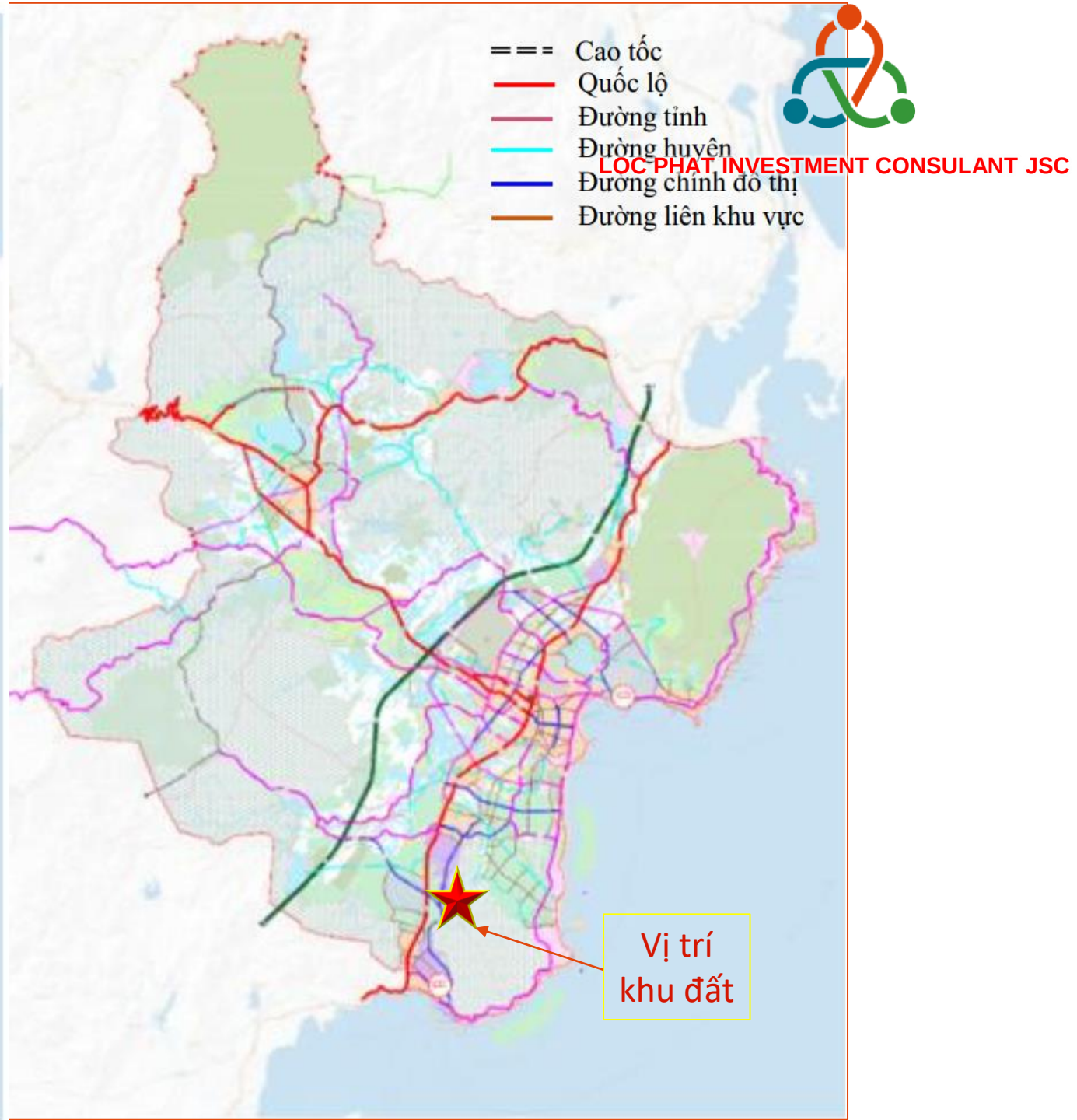
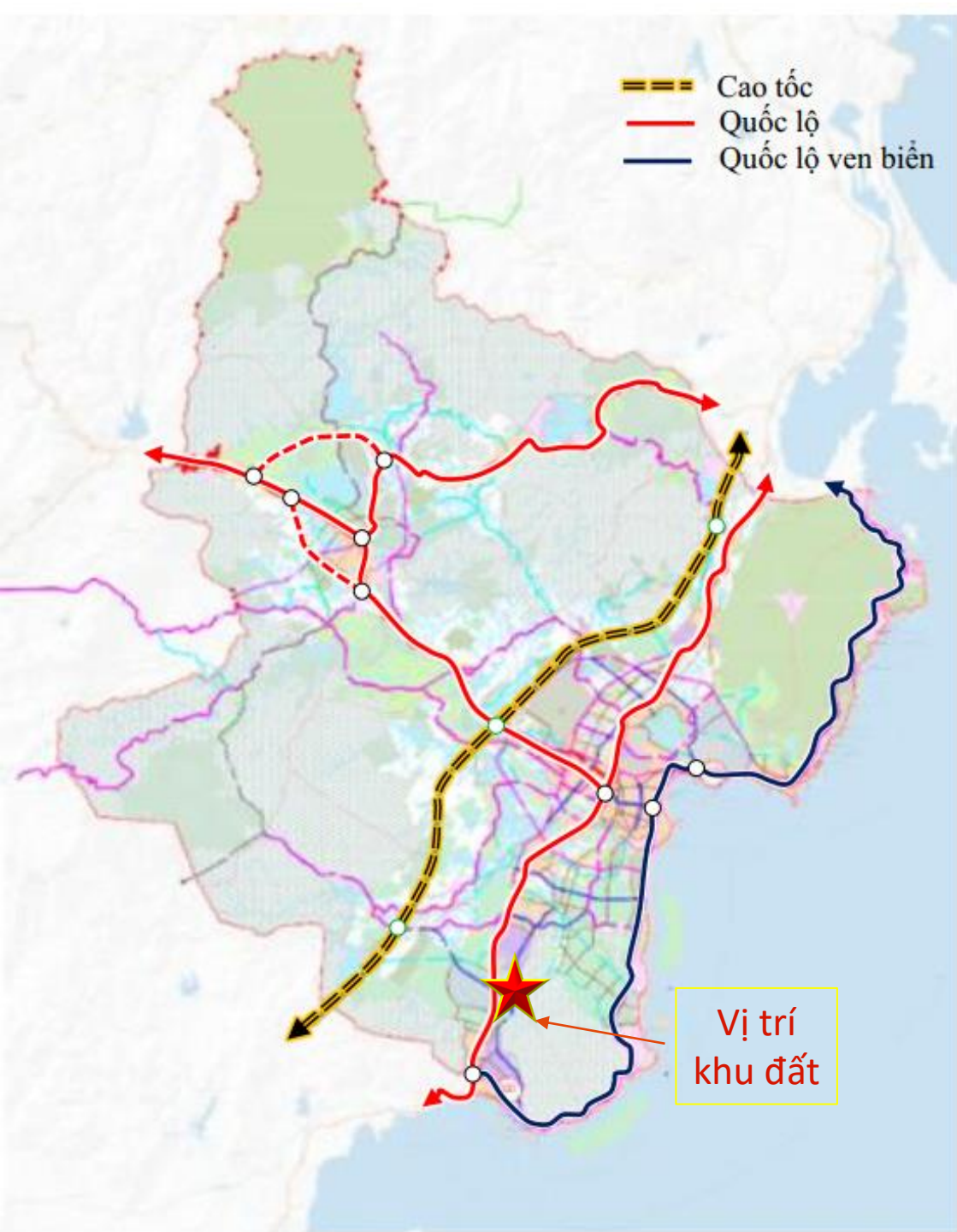
## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN VÀ PHÂN VÙNG CHỨC NĂNG



**LOC PHAT INVESTMENT CONSULTANT JSC**











LOC PHAT INVESTMENT CONSULTANT JSC



- **Khu công nghiệp Cà Ná có diện tích 827,2 ha.**
- **Đường sắt:** Tuyến đường sắt thống nhất chạy dọc phía Tây, có ga Cà Ná, hiện tại là ga để tránh tàu, trong tương lai có thể cải tạo thành ga hàng hóa kết hợp với ga hành khách du lịch.
- **Cảng Cà Ná hiện tại là cảng muối của khu vực, đã được nâng cấp cầu cảng 500 DWT lên 1.000 DWT với bến cập tàu bê tông dài 210m, rộng 6 m.**





LOC PHAT INVESTMENT CONSULTANT JSC

KCN Cà Ná

Công nghệ luyện kim

Công nghệ năng lượng mới

Công nghệ cơ khí chế tạo

Công nghệ năng lượng tái tạo

Công nghệ năng lượng truyền thống

Công nghệ chế biến khoáng sản

Khu nghiên cứu và sản xuất thử

Công nghiệp nặng



## Đất phát triển hạ tầng

- Năm 2030 có diện tích 30.215 ha; tăng 12.011 ha so với năm 2020.

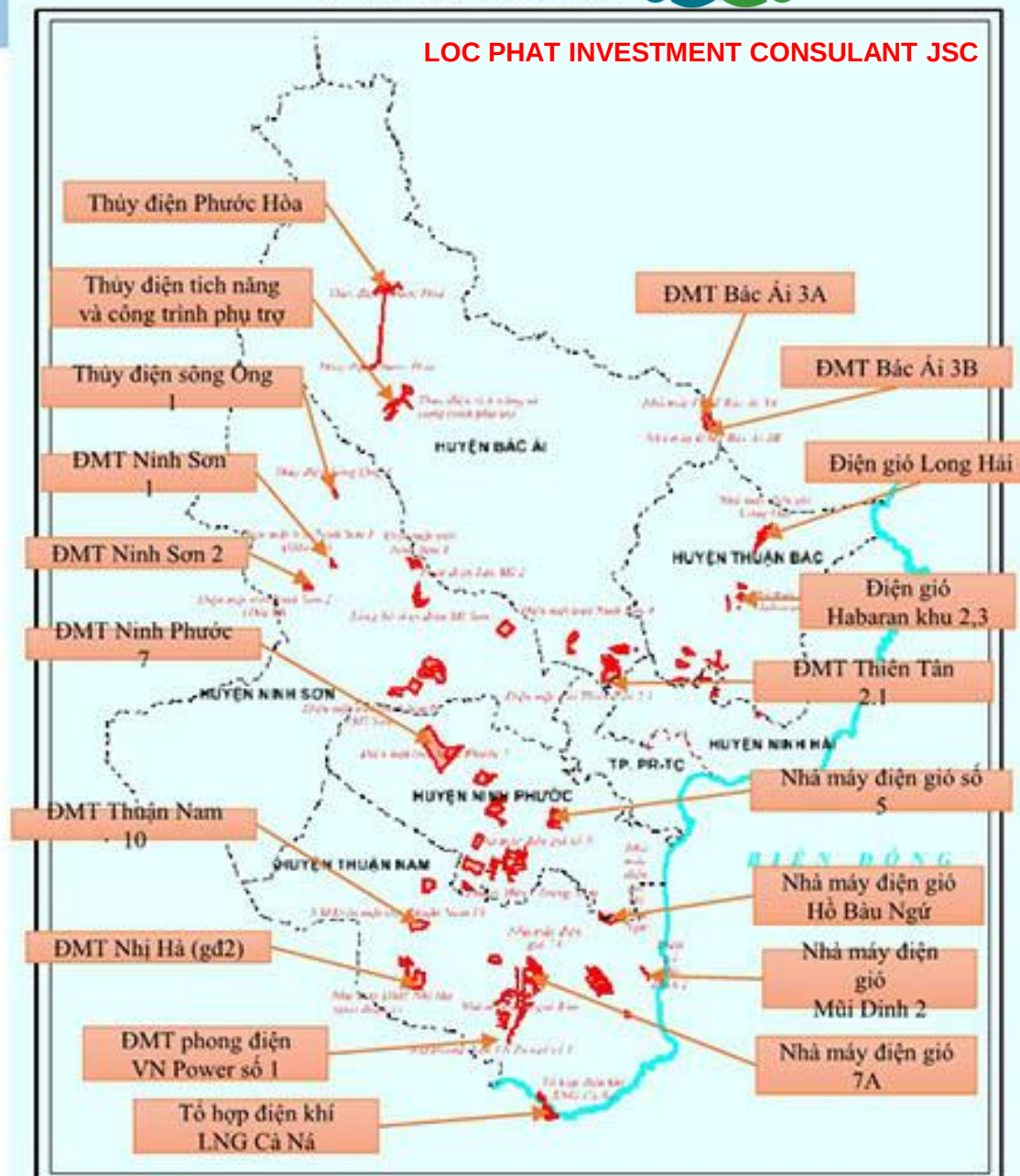
Trong đó:

|                                        |     |        |
|----------------------------------------|-----|--------|
| Đất giao thông                         | DGT | 8.540  |
| Đất thủy lợi                           | DTL | 10.792 |
| Đất xây dựng cơ sở văn hóa             | DVH | 106    |
| Đất xây dựng cơ sở y tế                | DYT | 90     |
| Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo | DGD | 434    |
| Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao    | DTT | 325    |
| Đất công trình năng lượng              | DNL | 8.179  |
| Đất công trình bưu chính, viễn thông   | DBV | 11     |

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ QUY HOẠCH MỘT SỐ CÔNG TRÌNH NĂNG LƯỢNG  
ĐẾN NĂM 2030 TỈNH NINH GIUA



LOC PHAT INVESTMENT CONSULTANT JSC





## Đất thương mại, dịch vụ

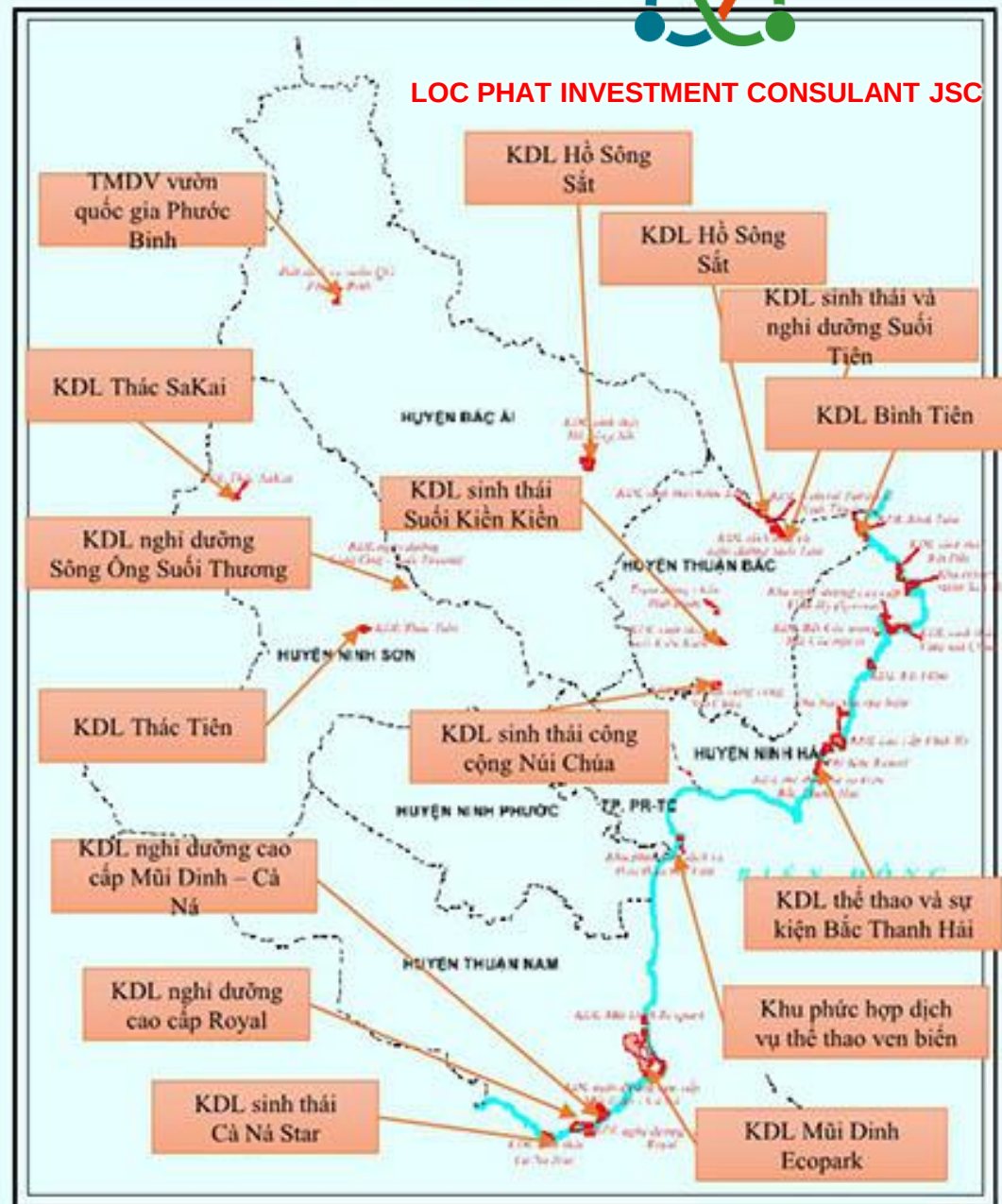
- Năm 2020 có diện tích 1.976 ha, tăng 1.367 ha so với năm 2020.
- Danh mục một số công trình quy hoạch đất TMDV trên địa bàn tỉnh đến năm 2030

| STT | Hạng mục                                                                                                                                   | Mã quy hoạch | vị trí (cấp huyện) | Diện tích (ha) |            |           |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------|----------------|------------|-----------|
|     |                                                                                                                                            |              |                    | Quy hoạch      | Hiện trạng | Tăng thêm |
| 1   | Khu vực phát triển du lịch hồ Sông Sắt (Quy mô diện tích là 364,50 ha; diện tích công trình xây dựng chiếm khoảng 20%)                     | TMD          | Bắc Ái             | 72,90          |            | 72,90     |
| 2   | Khu thương mại, dịch vụ cao cấp Núi Chúa tại bãi Chà Là (Quy mô 97,68 ha; đất công trình xây dựng khoảng 20%)                              | TMD          | Ninh Hải           | 19,53          |            | 19,53     |
| 3   | Khu du lịch thể thao và sự kiện Bắc Thanh Hải                                                                                              | TMD          | Ninh Hải           | 20,00          |            | 20,00     |
| 4   | Khu phát triển du lịch sinh thái Thái An                                                                                                   | TMD          | Ninh Hải           | 86,25          |            | 86,25     |
| 5   | Khu du lịch Cổng chào khu du lịch Bình Tiên                                                                                                | TMD          | Thuận Bắc          | 21,16          |            | 21,16     |
| 6   | Khu du lịch sinh thái Sông Trầu                                                                                                            | TMD          | Thuận Bắc          | 47,90          |            | 47,9      |
| 7   | Khu du lịch sinh thái Suối Kiền Kiền                                                                                                       | TMD          | Thuận Bắc          | 15,00          |            | 15        |
| 8   | Khu Du lịch Mũi Dinh Ecopack                                                                                                               | TMD          | Thuận Nam          | 427,31         |            | 427,31    |
| 9   | Khu vực phát triển du lịch sinh thái (Quy mô là 84,00 ha; diện tích đất xây dựng khoảng 5 -20%)                                            | TMD          | Thuận Nam          | 16,80          |            | 16,80     |
| 10  | Khu vực chuyển đổi đất nhà máy điện hạt nhân 1 thành đất phát triển du lịch 1 (Quy mô là 284,80 ha; diện tích đất xây dựng khoảng 5 - 20%) | TMD          | Thuận Nam          | 56,96          |            | 56,96     |
| 11  | Khu du lịch hồ Tân Giang - Sông Biều khu 1                                                                                                 | TMD          | Thuận Nam          | 26,17          |            | 26,17     |
| 12  | Khu du lịch hồ Tân Giang - Sông Biều khu 2                                                                                                 | TMD          | Thuận Nam          | 46,36          |            | 46,36     |
| 13  | Khu du lịch Thác Tiên                                                                                                                      | TMD          | Ninh Sơn           | 35,00          |            | 35,00     |
| 14  | Khu du lịch Sông Ông suối Thương (Quy mô diện tích là 150 ha; diện tích đất công trình xây dựng chỉ chiếm 5 -20%)                          | TMD          | Ninh Sơn           | 30,00          |            | 30,00     |
| 15  | Khu du lịch suối khoáng Tân Mỹ Á                                                                                                           | TMD          | Ninh Sơn           | 35,00          |            | 35,00     |

## SƠ ĐỒ VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÁC CÔNG TRÌNH TM-DV ĐẾN NĂM 2030 TỈNH NINH THUYỀN



LOC PHAT INVESTMENT CONSULTANT JSC



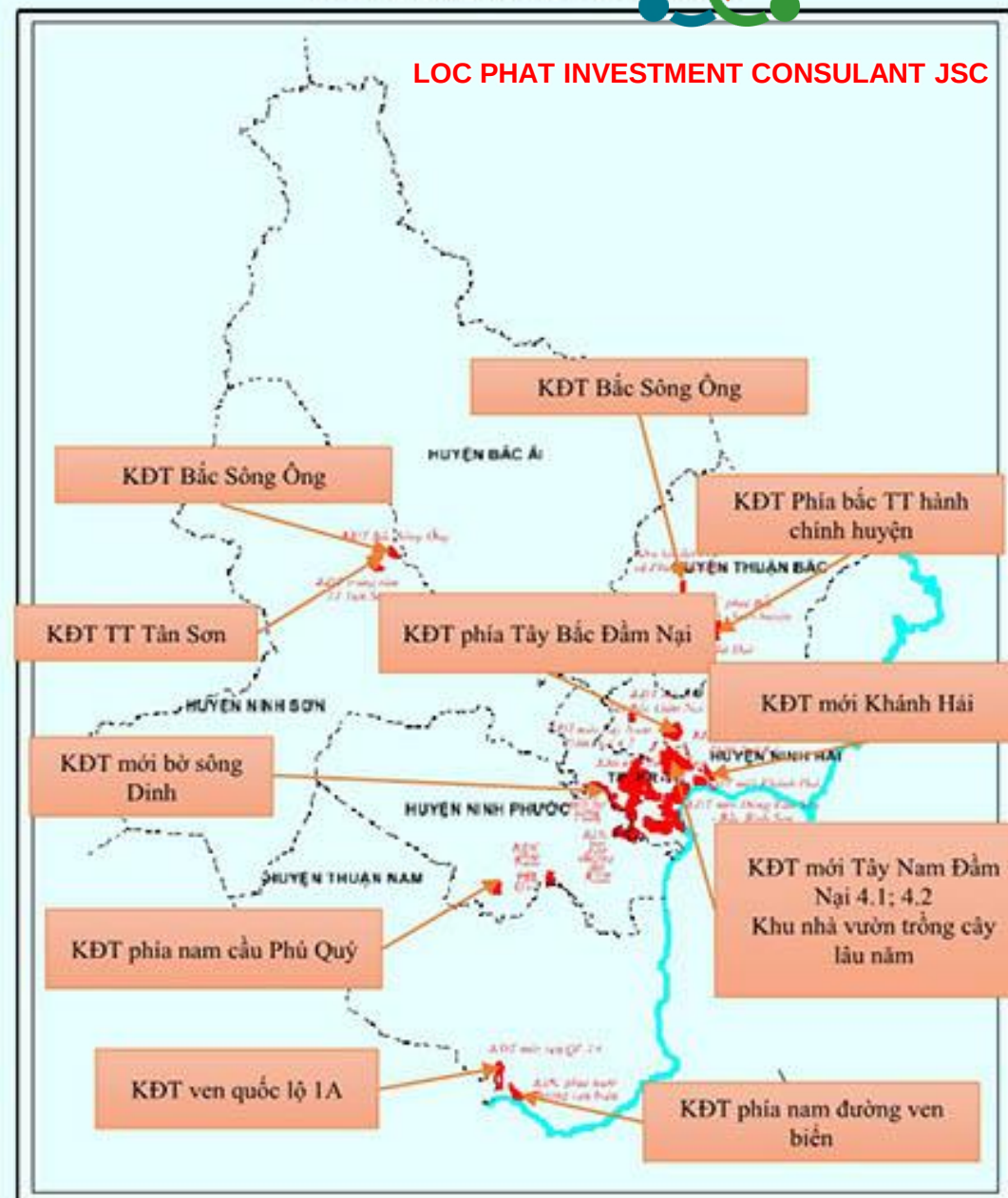


## Đất ở

- Đất ở tại nông thôn: Năm 2030 có diện tích 4.241 ha tăng 96 ha so với năm 2020
- Đất ở tại đô thị: Năm 2030 có diện tích 2.446 ha; tăng 1.173 ha so với năm 2020

| STT | Hạng mục                                                               | Mã quy hoạch | vị trí (cấp huyện) | Diện tích (ha) |            |           |
|-----|------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------|----------------|------------|-----------|
|     |                                                                        |              |                    | Quy hoạch      | Hiện trạng | Tăng thêm |
| 1   | Khu đô thị Đông Văn Sơn - Bắc Bình Sơn                                 | ODT          | TP PRTC            | 62,40          |            | 62,4      |
| 2   | Khu đô thị mới Đông Nam 3                                              | ODT          | TP PRTC            | 38,10          |            | 38,1      |
| 3   | Khu đô thị vườn phát triển mới Tây Nam Đầm Nại-Khu 4.2                 | ODT          | TP PRTC            | 25,91          |            | 25,91     |
| 4   | Khu đô thị mới Đông Nam 1                                              | ODT          | TP PRTC            | 29,41          |            | 29,41     |
| 5   | Khu đô thị hai bên đường đôi phía Nam thành phố                        | ODT          | TP PRTC            | 27,78          |            | 27,78     |
| 6   | Khu đô thị mới Tây Bắc thành phố Phan Rang - Tháp Chàm                 | ODT          | TP PRTC            | 27,41          |            | 27,41     |
| 7   | Khu đô thị vườn phát triển mới phía Tây Nam Đầm Nại-Khu 4.1            | ODT          | TP PRTC            | 17,52          |            | 17,52     |
| 8   | Khu nhà vườn trồng cây ăn quả (Khu 5 thuộc Khu đô thị mới ven Đầm Nại) | ODT          | TP PRTC            | 45,16          |            | 45,16     |
| 9   | Khu đô thị mới Đông Nam 2                                              | ODT          | TP PRTC            | 12,29          |            | 12,29     |
| 10  | Dự án Khu đô thị mới bờ sông Dinh                                      | ODT          | TP PRTC            | 11,54          |            | 11,54     |
| 11  | Khu đô thị mới Khánh Hải                                               | ODT          | TP PRTC            | 8,10           |            | 8,10      |
| 12  | Khu đô thị mới bờ Bắc sông Dinh                                        | ODT          | TP PRTC            | 5,01           |            | 5,01      |
| 13  | Khu đô thị mới Phước Mỹ 2 (giai đoạn 2)                                | ODT          | TP PRTC            | 3,20           |            | 3,2       |
| 14  | Khu đô thị Mỹ Phước                                                    | ODT          | TP PRTC            | 3,08           |            | 3,08      |
| 15  | Khu đô thị mới ven bờ Tây Bắc Đầm Nại-Khu 1                            | ODT          | Ninh Hải           | 26,71          |            | 26,71     |
| 16  | Khu dân cư phía Nam cầu Phú Quý (giai đoạn 2)                          | ODT          | Ninh Phước         | 5,40           |            | 5,4       |
| 17  | Khu dân cư Phước Nam                                                   | ONT          | Thuận Nam          | 3,00           |            | 3,00      |
| 18  | Khu đô thị mới trung tâm thị trấn Tân Sơn                              | ODT          | Ninh Sơn           | 8,01           |            | 8,01      |
| 20  | Khu dân cư Bắc sông Ông                                                | ODT          | Ninh Sơn           | 5,85           |            | 5,85      |
| 21  | Quy hoạch Khu dân cư An Đạt                                            | ONT          | Thuận Bắc          | 4,74           |            | 4,74      |
| 22  | Khu đô thị mới ven Quốc lộ 1A                                          | ODT          | Thuận Nam          | 30,00          |            | 30        |
| 23  | Khu đô thị mới Đầm Cà Ná                                               | ODT          | Thuận Nam          | 19,46          |            | 19,46     |

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ QUY HOẠCH MỘT SỐ KHU ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN  
ĐẾN NĂM 2030 TỈNH NINH THUYỀN

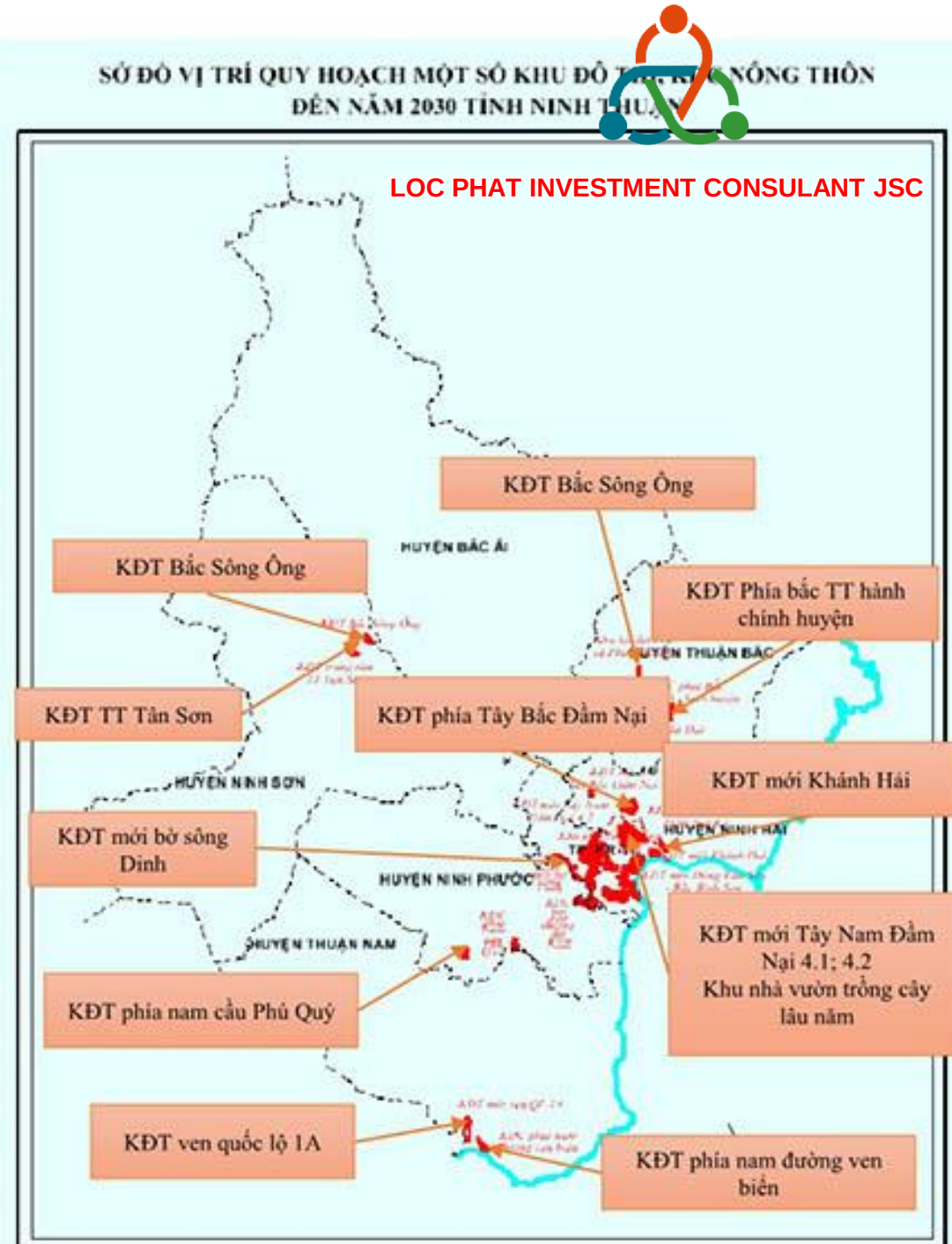




## Đất ở

- Đất ở tại nông thôn: Năm 2030 có diện tích 4.241 ha tăng 96 ha so với năm 2020
- Đất ở tại đô thị: Năm 2030 có diện tích 2.446 ha; tăng 1.173 ha so với năm 2020

| STT | Hạng mục                                                               | Mã quy hoạch | vị trí (cấp huyện) | Diện tích (ha) |            |           |
|-----|------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------|----------------|------------|-----------|
|     |                                                                        |              |                    | Quy hoạch      | Hiện trạng | Tăng thêm |
| 1   | Khu đô thị Đông Văn Sơn - Bắc Bình Sơn                                 | ODT          | TP PRTC            | 62,40          |            | 62,4      |
| 2   | Khu đô thị mới Đông Nam 3                                              | ODT          | TP PRTC            | 38,10          |            | 38,1      |
| 3   | Khu đô thị vườn phát triển mới Tây Nam Đầm Nại-Khu 4.2                 | ODT          | TP PRTC            | 25,91          |            | 25,91     |
| 4   | Khu đô thị mới Đông Nam 1                                              | ODT          | TP PRTC            | 29,41          |            | 29,41     |
| 5   | Khu đô thị hai bên đường đôi phía Nam thành phố                        | ODT          | TP PRTC            | 27,78          |            | 27,78     |
| 6   | Khu đô thị mới Tây Bắc thành phố Phan Rang - Tháp Chàm                 | ODT          | TP PRTC            | 27,41          |            | 27,41     |
| 7   | Khu đô thị vườn phát triển mới phía Tây Nam Đầm Nại-Khu 4.1            | ODT          | TP PRTC            | 17,52          |            | 17,52     |
| 8   | Khu nhà vườn trồng cây ăn quả (Khu 5 thuộc Khu đô thị mới ven Đầm Nại) | ODT          | TP PRTC            | 45,16          |            | 45,16     |
| 9   | Khu đô thị mới Đông Nam 2                                              | ODT          | TP PRTC            | 12,29          |            | 12,29     |
| 10  | Dự án Khu đô thị mới bờ sông Dinh                                      | ODT          | TP PRTC            | 11,54          |            | 11,54     |
| 11  | Khu đô thị mới Khánh Hải                                               | ODT          | TP PRTC            | 8,10           |            | 8,10      |
| 12  | Khu đô thị mới bờ Bắc sông Dinh                                        | ODT          | TP PRTC            | 5,01           |            | 5,01      |
| 13  | Khu đô thị mới Phước Mỹ 2 (giai đoạn 2)                                | ODT          | TP PRTC            | 3,20           |            | 3,2       |
| 14  | Khu đô thị Mỹ Phước                                                    | ODT          | TP PRTC            | 3,08           |            | 3,08      |
| 15  | Khu đô thị mới ven bờ Tây Bắc Đầm Nại-Khu 1                            | ODT          | Ninh Hải           | 26,71          |            | 26,71     |
| 16  | Khu dân cư phía Nam cầu Phú Quý (giai đoạn 2)                          | ODT          | Ninh Phước         | 5,40           |            | 5,4       |
| 17  | Khu dân cư Phước Nam                                                   | ONT          | Thuận Nam          | 3,00           |            | 3,00      |
| 18  | Khu đô thị mới trung tâm thị trấn Tân Sơn                              | ODT          | Ninh Sơn           | 8,01           |            | 8,01      |
| 20  | Khu dân cư Bắc sông Ông                                                | ODT          | Ninh Sơn           | 5,85           |            | 5,85      |
| 21  | Quy hoạch Khu dân cư Ấn Đạt                                            | ONT          | Thuận Bắc          | 4,74           |            | 4,74      |
| 22  | Khu đô thị mới ven Quốc lộ 1A                                          | ODT          | Thuận Nam          | 30,00          |            | 30        |
| 23  | Khu đô thị mới Đầm Cà Ná                                               | ODT          | Thuận Nam          | 19,46          |            | 19,46     |





## Đất khu công nghiệp

- Năm 2030 có diện tích 2.034 ha tăng 1.251 ha so với năm 2020

| STT | Hạng mục      | Mã  | vị trí<br>(cấp huyện) | Diện tích (ha) |            |           |
|-----|---------------|-----|-----------------------|----------------|------------|-----------|
|     |               |     |                       | Quy hoạch      | Hiện trạng | Tăng thêm |
| 1   | KCN Thành Hải | SKK | TP. PRTC              | 94,56          |            | 94,56     |
| 2   | KCN Cà Ná     | SKK | Huyện Thuận Nam       | 1.156,50       |            | 1.156,50  |

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ QUY HOẠCH CÁC KHU CÔNG NGHIỆP  
ĐẾN NĂM 2030 TỈNH NINH THUYỀN



LOC PHAT INVESTMENT CONSULTANT JSC

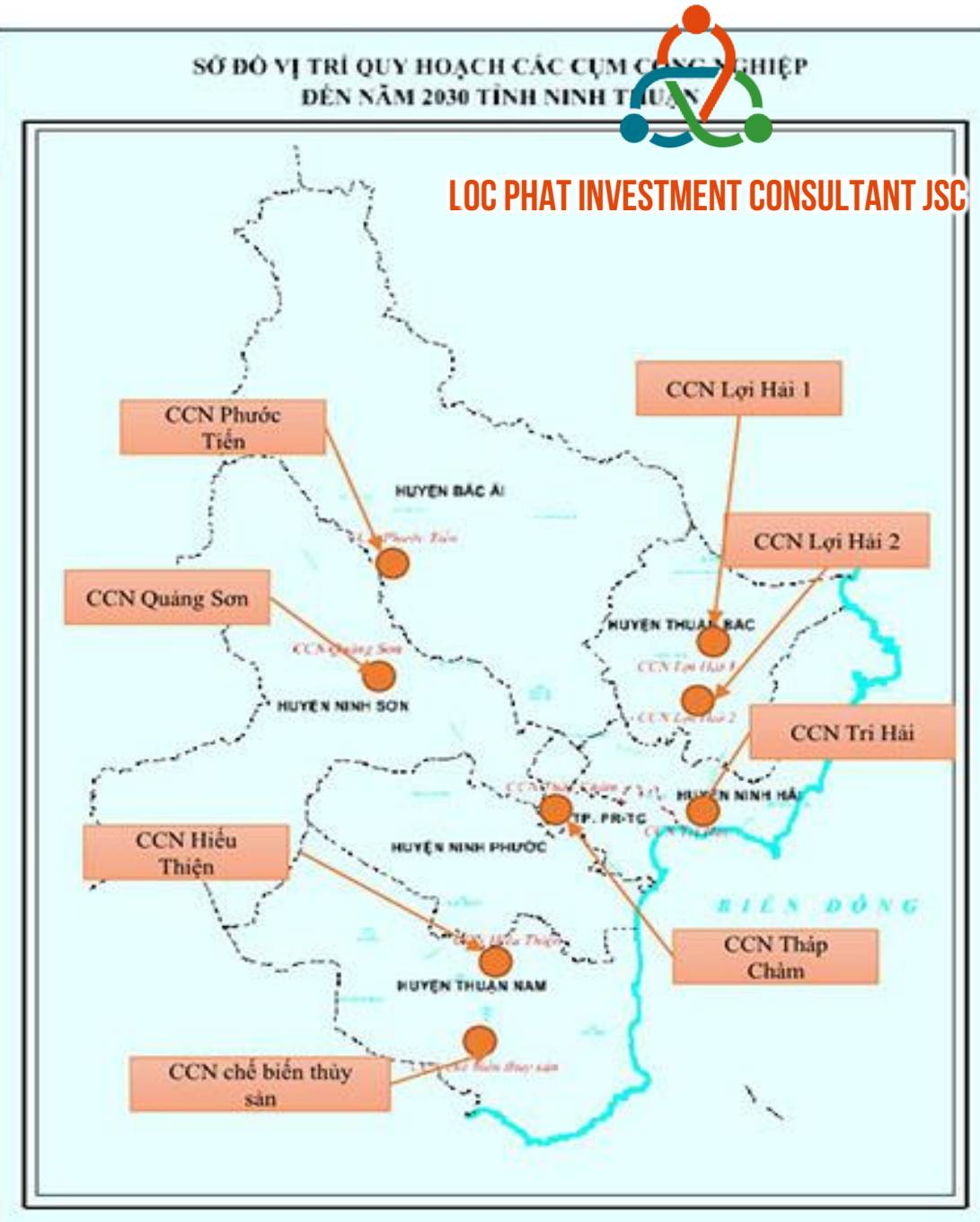




## Đất cụm công nghiệp

- Năm 2020 có diện tích 365 ha; tăng 211 ha so với năm 2020

| STT | Hạng mục                            | Mã quy hoạch | vị trí (cấp huyện) | Diện tích (ha) |            |           |
|-----|-------------------------------------|--------------|--------------------|----------------|------------|-----------|
|     |                                     |              |                    | Quy hoạch      | Hiện trạng | Tăng thêm |
| 1   | Cụm công nghiệp Phan Rang Tháp Chàm | SKN          | TP PRTC            | 33,00          |            | 33,00     |
| 2   | Cụm công nghiệp Phước Tiến          | SKN          | Bác Ái             | 75,00          |            | 75,00     |
| 3   | Cụm công nghiệp Lợi Hải 2           | SKN          | Thuận Bắc          | 33,42          |            | 33,42     |
| 4   | Cụm công nghiệp Lợi Hải 1           | SKN          | Thuận Bắc          | 15,60          |            | 15,60     |
| 5   | Cụm công nghiệp Hiếu Thiện          | SKN          | Thuận Nam          | 75,00          |            | 75,00     |
| 6   | Cụm công nghiệp chế biến thủy sản   | SKN          | Thuận Nam          | 17,00          |            | 17,00     |
| 7   | Cụm công nghiệp Tri Hải             | SKN          | Ninh Hải           | 40,00          |            | 40,00     |
| 8   | Cụm công nghiệp Quảng Sơn           | SKN          | Ninh Sơn           | 75,00          |            | 75,00     |





## 4. LỢI THẾ KHU ĐẤT ĐẦU TƯ



LOC PHAT INVESTMENT CONSULTANT JSC

- - Có mặt tiền rộng tiếp giáp đường lớn.
- - Trên đất có 2ha điều lâu năm, 1ha măng cầu.
- - Có trữ lượng cát xây dựng có thể khai thác được.
- - Quy hoạch SKC, thuộc nhóm đất gần khu quy hoạch KCN.
- - Gần khu vực kho bãi, khai thác điện năng lượng.
- - Gần khu vực quy hoạch dân cư Đàm Cà Ná (Dự án này được UBND tỉnh Ninh Thuận Quyết định chấp thuận Chủ trương đầu tư số 549/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 với quy mô 65ha)
- - Có sổ hồng thuộc sở hữu 01 cá nhân, không tranh chấp.
- - Phù hợp làm kho bãi, logistic, warehouse, bãi VLXD....





LOC PHAT INVESTMENT CONSULTANT JSC

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!